

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Việt;
- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A;

Địa chỉ trụ sở: số 374 đường Đ, Tổ 44, khóm B 4, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thúy H - chức danh Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 2000; địa chỉ liên lạc: số 39 Th, Phường 3, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A1, sinh năm 1982;

Cư trú: số 2/5 khóm T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H1 có mặt, bà A1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH A và bà Nguyễn Thị Thúy A1 có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản. Trong quá trình mua bán, Công ty TNHH A luôn bán hàng và giao hàng đúng, đủ loại thức ăn thủy sản mà bà A1 yêu cầu mua, và để tạo điều kiện cho bên mua thì Công ty TNHH A đồng ý cho bà A1 thanh toán theo phương thức gởi đầu, mua và nhận hàng trước, trả tiền sau. Đến ngày 21 tháng 3 năm 2022, Công ty TNHH A và bà A1 đã tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ mà bà A1 còn nợ Công ty. Theo đó, bà A1 còn nợ Công ty TNHH A số tiền 154.524.750 đồng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm nêu trên cho đến nay thì bà A1 không chủ động trả nợ, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ nhưng bà A1 luôn tìm lý do để tránh mặt.

Việc bà A1 trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đang xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH A, nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Nguyễn Thị Thúy A1 phải trả một lần cho Công ty TNHH A số tiền tạm tính đến ngày 09 tháng 12 năm 2022 là 165.641.750 (một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 21 tháng 3 năm 2022 là 154.524.750 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Tiền lãi trên nợ gốc (lãi suất 10%/năm) tạm tính từ ngày 21 tháng 3 năm 2022 đến ngày 09 tháng 12 năm 2022 là 11.117.000 đồng (mười một triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A1: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH A trình bày: giữa Công ty TNHH A với bà A1 xác lập hợp đồng mua bán dưới hình thức thỏa thuận miệng; các bên không có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, chậm trả; các bên thỏa thuận phương thức thanh toán nhận hàng trước, trả tiền sau, trả tiền của đợt hàng thứ nhất sau khi nhận được hàng hóa của đợt thứ hai, cứ vậy tiếp theo. Nhưng bà A1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, kể cả sau khi đã đối chiếu công nợ. Vì vậy, Công ty TNHH A yêu cầu Tòa án buộc bà A1 phải trả cho Công

ty số tiền công nợ tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2022 là 154.524.750 đồng và yêu cầu trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện là 09 tháng 12 năm 2022 đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A1 vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về nội dung: căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 21 tháng 3 năm 2022 đã thể hiện bà Nguyễn Thị Thúy A1 còn nợ Công ty TNHH A số tiền 154.524.750 đồng. Bà A1 không có ý kiến phản đối số tiền còn nợ. Các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, thời hạn chậm thanh toán; nên Công ty TNHH A thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, chỉ tính từ ngày khởi kiện 09 tháng 12 năm 2022 là phù hợp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thúy A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty TNHH A và Bà Nguyễn Thị Thúy A1 có thực hiện mua bán thức ăn thủy sản. Các bên đã thực hiện hợp đồng, giao hàng, thanh toán tiền hàng được một thời gian. Tuy nhiên, khi Công ty TNHH A thực hiện cho bà A1 được mua trước trả sau thì bà A1 lại không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho Công ty. Vì vậy Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu bà A1 phải trả số tiền mua hàng còn nợ. Về phía bà A1, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bà A1 đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với Biên bản đối chiếu và

xác nhận công nợ mà Công ty TNHH A cung cấp, không có ý kiến phản bác đối với số tiền còn nợ lại, yêu cầu về việc trả lãi.

[3.2] Xét thấy: giao dịch mua bán thức ăn thủy sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi nhận được hàng hóa thì bà A1 lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 21 tháng 3 năm 2022, các bên thực hiện đối chiếu và xác nhận công nợ bà A1 còn nợ tính đến thời điểm ngày 13 tháng 12 năm 2021 là 154.524.750 đồng. Đại diện Công ty TNHH A xác định từ ngày 13 tháng 12 năm 2021 đến ngày 21 tháng 3 năm 2022, bà A1 không phát sinh nợ mới. Từ khi ký đối chiếu và xác nhận công nợ, bà A1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, bà A1 đã vi phạm nghĩa vụ của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với số tiền vốn gốc là có căn cứ.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi chậm thanh toán: Khi khởi kiện Công ty TNHH A xác định yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21 tháng 3 năm 2022. Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty TNHH A thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện 09 tháng 12 năm 2022. Xét thấy: các bên xác lập hợp đồng nhưng không thỏa thuận về mức lãi suất chậm thanh toán, thời hạn chậm thanh toán. Ngày 21 tháng 3 năm 2022, bà A1 đã xác định được số nợ mình phải trả nhưng không thực hiện nghĩa vụ. Đến ngày 09 tháng 12 năm 2022, Công ty TNHH A mới khởi kiện yêu cầu trả nợ. Vì vậy, yêu cầu về lãi suất chậm thanh toán của Công ty TNHH A tính từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 với mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn và có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A để buộc bà A1 phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là: 154.524.750 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán (tạm tính từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023) là: $154.524.750 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 8.615.284 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Bà A1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với bà Nguyễn Thị Thúy A1.

Buộc Bà Nguyễn Thị Thúy A1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc là: 154.524.750 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là: 8.615.284 đồng (tám triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng); tổng cộng là: 163.140.034 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn không trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.157.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Công ty TNHH A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.141.000 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001324 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (1);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thùy Giang**

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Việt

Huỳnh Thị Thúy Hoa

Nguyễn Thùy Giang